

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 31 tháng 3 năm 2016



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 45

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HSG theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một trăm chín mươi bảy (197) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên
Ông Trần Quốc Trí	Thành viên
Ông Lý Văn Xuân	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Vũ Nam	Trưởng ban
Ông Lê Đình Hạnh	Thành viên
Bà Đồng Thị Thanh Hằng	Thành viên

bổ nhiệm ngày 18 tháng 1 năm 2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Ngọc Chu	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Thanh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Duy Quang	Quyền Phó Tổng Giám đốc

từ nhiệm ngày 20 tháng 1 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Phước Vũ.

Ông Trần Ngọc Chu được Ông Lê Phước Vũ ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 theo Giấy Ủy quyền số 51/UQ/CT-HĐQT/2016 ngày 23 tháng 3 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 14.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 5 năm 2016



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61183992/18452358LR-Separate

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty"), được lập ngày 26 tháng 5 năm 2016, từ trang 5 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo, Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 5 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31 tháng 3 năm 2016	30 tháng 9 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.523.020.391.912	5.189.362.855.705
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	934.973.193.415	233.828.787.007
111	1. Tiền		504.829.671.540	233.688.787.007
112	2. Các khoản tương đương tiền		430.143.521.875	140.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		864.751.172.254	2.188.495.464.154
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	640.554.594.034	1.657.213.337.129
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	82.712.646.198	25.367.450.024
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		400.000.000	100.400.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	144.130.345.099	408.561.090.078
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1, 6	(3.046.413.077)	(3.046.413.077)
140	III. Hàng tồn kho	7	2.502.883.230.872	2.281.126.058.437
141	1. Hàng tồn kho		2.515.492.467.752	2.293.735.295.317
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.609.236.880)	(12.609.236.880)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		220.412.795.371	485.912.546.107
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	62.270.434.852	55.062.184.992
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	158.128.962.089	430.850.361.115
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16	13.398.430	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.769.350.940.470	3.758.038.912.478
210	I. Phải thu dài hạn		27.012.549.901	27.012.549.901
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	25.000.000.000	25.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	6	2.012.549.901	2.012.549.901
220	II. Tài sản cố định		2.858.840.758.777	2.964.830.715.661
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.497.366.602.678	2.597.141.283.226
222	Nguyên giá		4.040.344.353.445	3.959.400.818.348
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.542.977.750.767)	(1.362.259.535.122)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	92.544.988.516	99.643.625.564
225	Nguyên giá		135.252.035.604	135.252.035.604
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(42.707.047.088)	(35.608.410.040)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	268.929.167.583	268.045.806.871
228	Nguyên giá		288.233.543.976	286.043.112.706
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(19.304.376.393)	(17.997.305.835)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		12.798.475.522	12.346.611.377
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	12.798.475.522	12.346.611.377
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	761.770.005.842	649.628.640.301
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	732.276.000.000	611.276.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	51.952.178.134	51.952.178.134
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.367.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14.2	(22.458.172.292)	(17.966.537.833)
260	V. Tài sản dài hạn khác		108.929.150.428	104.220.395.238
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	68.022.284.835	64.337.078.607
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	40.906.865.593	39.883.316.631
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.292.371.332.382	8.947.401.768.183

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31 tháng 3 năm 2016	30 tháng 9 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.819.857.044.487	5.958.058.900.796
310	I. Nợ ngắn hạn		4.290.791.126.255	5.302.767.036.632
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	889.013.625.625	555.161.842.884
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	141.982.348.970	132.056.212.298
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	125.910.803.245	54.523.520.743
314	4. Phải trả người lao động		46.247.652.841	28.300.012.321
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	104.129.482.276	81.556.360.439
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	18.708.142.232	42.596.139.795
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	2.932.606.273.977	4.400.210.324.546
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		32.192.797.089	8.362.623.606
330	II. Nợ dài hạn		529.065.918.232	655.291.864.164
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	525.122.683.232	651.348.629.164
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		3.943.235.000	3.943.235.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.472.514.287.895	2.989.342.867.387
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	3.472.514.287.895	2.989.342.867.387
411	1. Vốn cổ phần		1.310.270.670.000	1.007.907.900.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.310.270.670.000	1.007.907.900.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		551.571.933.521	487.290.470.363
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(52.113.695.510)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		-	8.525.313.060
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		24.730.240.357	6.605.155.369
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.585.941.444.017	1.531.127.724.105
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.159.893.931.112	843.069.931.334
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		426.047.512.905	688.057.792.771
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.292.371.332.382	8.947.401.768.183

Trần Công Tiên
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 5 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	12.939.626.459.759	16.507.950.212.092
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(49.647.582.051)	(25.325.886.065)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	12.889.978.877.708	16.482.624.326.027
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(11.506.883.200.423)	(15.627.262.526.328)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.383.095.677.285	855.361.799.699
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	25.781.897.367	13.375.429.734
22	7. Chi phí tài chính	23	(115.196.501.573)	(148.597.428.323)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(91.997.362.776)	(95.077.736.574)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(402.206.394.150)	(330.630.294.744)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(335.377.839.810)	(189.217.017.157)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		556.096.839.119	200.292.489.209
31	11. Thu nhập khác		8.042.570.526	9.937.431.574
32	12. Chi phí khác		(9.908.517.153)	(8.704.595.732)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(1.865.946.627)	1.232.835.842
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		554.230.892.492	201.525.325.051
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.2	(129.206.928.549)	(54.366.617.214)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.3	1.023.548.962	3.638.379.969
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		426.047.512.905	150.797.087.806

Trần Công Tiến
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 5 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		554.230.892.492	201.525.325.051
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11, 12	194.632.425.463	182.121.227.035
03	Các khoản dự phòng		4.491.634.459	9.877.720.763
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	23	3.418.637.062	15.450.540.252
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.506.541.239)	(784.692.496)
06	Chi phí lãi vay	23	91.997.362.776	95.077.736.574
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		843.264.411.013	503.267.857.179
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		1.596.431.282.467	(809.053.230.460)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(221.757.172.435)	1.213.063.371.139
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		369.211.753.666	(998.470.141.861)
12	Tăng chi phí trả trước		(8.266.178.543)	(15.685.912.272)
14	Tiền lãi vay đã trả		(93.376.144.142)	(93.560.846.995)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26.2	(89.046.802.557)	(59.835.172.284)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.539.077.582)	(20.751.607.296)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		2.382.922.071.887	(281.025.682.850)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(92.128.335.905)	(219.077.972.202)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		576.586.376	65.109.904.197
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(121.000.000.000)	(41.495.846.500)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.367.000.000	4.273.000.000
27	Tiền lãi đã nhận	21.2	5.336.680.499	2.624.103.578
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(202.848.069.030)	(188.566.810.927)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ		116.395.667.397	-
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(508.729)	(1.356.959)
33	Tiền thu từ đi vay		4.665.576.580.960	7.013.095.243.151
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(6.247.793.892.374)	(6.511.077.831.716)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(10.518.171.966)	(10.065.548.901)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(121.824.000)	(47.937.601.575)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(1.476.462.148.712)	444.012.904.000
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ		703.611.854.145	(25.579.589.777)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		233.828.787.007	138.001.647.603
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.467.447.737)	(1.998.268.067)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	934.973.193.415	110.423.789.759

Trần Công Tiến
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 5 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gỗ thép, xà gỗ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HSG theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một trăm chín mươi bảy (197) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 là 3.327 (ngày 30 tháng 9 năm 2015: 3.966).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 8 công ty con, như sau:

► Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen ("HSS")

HSS là công ty TNHH Một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700763651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 11 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSS tọa lạc tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của HSS trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSS (30 tháng 9 năm 2015: 100%).

► Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen ("HSBM")

HSBM là công ty TNHH Một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3500786179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSBM tọa lạc tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của HSBM trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSBM (30 tháng 9 năm 2015: 100%).

► Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định ("HSBD")

HSBD là công ty TNHH Một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4101425750 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 14 tháng 5 năm 2014. Trụ sở đăng ký của HSBD tọa lạc tại Lô A1.1 và TT 6.2 & 7 Khu Công nghiệp Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Hoạt động chính của HSBD trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSBD (30 tháng 9 năm 2015: 100%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

► Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải & Cơ khí Hoa Sen ("HTME")

HTME là công ty TNHH Một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700785528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HTME tọa lạc tại số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của HTME trong kỳ hiện tại là cung cấp dịch vụ vận tải và xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HTME (30 tháng 9 năm 2015: 100%).

► Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An ("HSNC")

HSNC là công ty TNHH Một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901722597 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 28 tháng 5 năm 2014. Trụ sở đăng ký của HSNC tọa lạc tại Lô C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính của HSNC trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSNC (30 tháng 9 năm 2015: 100%).

► Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An ("HSDH")

HSDH là công ty TNHH Một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901788319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 12 tháng 6 năm 2015. Trụ sở đăng ký của HSDH tọa lạc tại Lô CN 1-8 Khu Công nghiệp Đông Hối, Xã Quỳnh Lập, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính của HSDH trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng kim loại.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSDH (30 tháng 9 năm 2015: 100%).

► Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam ("HSHN")

HSHN là công ty TNHH Một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0700759219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 15 tháng 9 năm 2015. Trụ sở đăng ký của HSHN tọa lạc tại Cụm Công nghiệp Kiện Khê I, Thị trấn Kiện Khê, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam. Hoạt động chính của HSHN trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSHN (30 tháng 9 năm 2015: 100%).

► Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội – Bình Định ("HSNH")

HSNH là công ty TNHH Một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4101453370 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 26 tháng 11 năm 2015. Trụ sở đăng ký của HSNH tọa lạc tại thôn Hội Sơn, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Hoạt động chính của HSNH trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp bằng kim loại.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSNH.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 29.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất biến đổi trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng hữu hạn hoặc vô thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê, trong khi quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	7 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Tài sản khác	5 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	14 - 55 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay, bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (được gọi là cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại), trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê tài sản

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31 tháng 3 năm 2016	VND 30 tháng 9 năm 2015
Tiền mặt	22.812.065.635	12.462.200.677
Tiền gửi ngân hàng	481.921.717.016	221.226.586.330
Tiền đang chuyển	95.888.889	-
Các khoản tương đương tiền (*)	430.143.521.875	140.000.000
TỔNG CỘNG	934.973.193.415	233.828.787.007

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi có thời gian đáo hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 5,1%/năm đến 5,5%/năm.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31 tháng 3 năm 2016	VND 30 tháng 9 năm 2015
Các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	471.685.725.954	1.214.432.479.886
Các bên khác	168.868.868.080	442.780.857.243
TỔNG CỘNG	640.554.594.034	1.657.213.337.129
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.306.413.077)	(2.306.413.077)
GIÁ TRỊ THUẦN	638.248.180.957	1.654.906.924.052

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31 tháng 3 năm 2016	VND Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	52.944.698.396	6.458.860.936
Các bên khác	29.767.947.802	18.908.589.088
Trong đó:		
Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Vũng Tàu	10.581.625.737	4.702.713.031
Khác	19.186.322.065	14.205.876.057
TỔNG CỘNG	82.712.646.198	25.367.450.024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31 tháng 3 năm 2016	VND 30 tháng 9 năm 2015
Ngắn hạn	144.130.345.099	408.561.090.078
Tạm ứng để mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000
Đặt cọc	32.842.140.000	23.632.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	9.186.709.193	6.177.558.073
Lợi nhuận được chia từ công ty con	-	273.424.302.385
Khác	11.918.268.906	15.144.002.620
Dài hạn	2.012.549.901	2.012.549.901
Ký quỹ, ký cược	2.012.549.901	2.012.549.901
TỔNG CỘNG	146.142.895.000	410.573.639.979
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(740.000.000)	(740.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	145.402.895.000	409.833.639.979
<i>Trong đó:</i>		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	90.911.527.995	364.880.867.523
Các bên khác	54.491.367.005	44.952.772.456

7. HÀNG TỒN KHO

	31 tháng 3 năm 2016	VND 30 tháng 9 năm 2015
Thành phẩm	1.012.887.863.727	1.209.216.110.982
Hàng mua đang đi đường	870.146.424.409	334.139.481.536
Nguyên vật liệu	296.606.183.976	346.651.367.414
Hàng hóa	153.389.157.260	211.504.360.904
Công cụ, dụng cụ	182.462.838.380	192.223.974.481
TỔNG CỘNG	2.515.492.467.752	2.293.735.295.317
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.609.236.880)	(12.609.236.880)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.502.883.230.872	2.281.126.058.437

Như được trình bày tại các Thuyết minh số 19, Công ty đã dùng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ vào 31 tháng 3 năm 2016 là 1.133.410.805.447 VND để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		VND
	31 tháng 3 năm 2016	30 tháng 9 năm 2015
Ngắn hạn	62.270.434.852	55.062.184.992
Chi phí quảng cáo	28.159.465.318	24.210.259.090
Chi phí thuê nhà xưởng	14.065.535.847	8.372.683.765
Chi phí công cụ, dụng cụ	8.729.369.337	10.307.348.223
Chi phí tư vấn	1.450.313.858	1.408.729.769
Chi phí bảo hiểm	1.383.355.900	1.310.876.033
Chi phí sửa chữa	2.340.428.033	1.665.640.996
Khác	6.141.966.559	7.786.647.116
Dài hạn	68.022.284.835	64.337.078.607
Chi phí công cụ, dụng cụ	33.292.455.636	45.000.996.782
Chi phí sửa chữa	24.945.765.436	12.505.051.016
Chi phí thuê	4.411.557.207	5.895.995.809
Khác	5.372.506.556	935.035.000
TỔNG CỘNG	130.292.719.687	119.399.263.599

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Số dư phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện số tiền cho Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An mượn, nhằm mục đích chi trả chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng tại Khu Công nghiệp Đồng Hới, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Khoản cho mượn này là tín chấp, không chịu lãi suất và sẽ đến hạn vào ngày 25 tháng 6 năm 2018.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	VND Tổng cộng
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	621.660.819.138	3.064.331.212.467	242.213.491.285	12.374.597.617	18.820.697.841	3.959.400.818.348
Mua mới trong kỳ	-	29.594.155.520	8.132.802.486	6.825.663.000	-	44.552.621.006
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	(101.029.970)	22.595.771.029	19.710.370.910	-	-	42.306.141.939
Thanh lý, nhượng bán	-	101.029.970	-	-	-	-
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	621.559.789.168	3.110.706.941.138	270.056.664.681	19.200.260.617	18.820.697.841	4.040.344.353.445
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	657.546.419	148.785.882.020	18.503.180.707	1.170.977.398	179.918.238	169.297.504.782
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	(180.824.570.224)	(1.114.545.060.787)	(52.389.277.920)	(3.729.674.354)	(10.770.951.837)	(1.362.259.535.122)
Khấu hao trong kỳ	(19.201.088.869)	(150.758.482.798)	(13.729.728.239)	(1.145.248.283)	(1.392.169.668)	(186.226.717.857)
Thanh lý, nhượng bán	-	5.508.502.212	-	-	-	5.508.502.212
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	(200.025.659.093)	(1.259.795.041.373)	(66.119.006.159)	(4.874.922.637)	(12.163.121.505)	(1.542.977.750.767)
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	440.836.248.914	1.949.786.151.680	189.824.213.365	8.644.923.263	8.049.746.004	2.597.141.283.226
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	421.534.130.075	1.850.911.899.765	203.937.658.522	14.325.337.980	6.657.576.336	2.497.366.602.678

Như được trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã dùng nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 lần lượt là 133.554.630.919 VND, 1.515.516.787.924 VND và 127.620.455.459 VND để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

		Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015				
và ngày 31 tháng 3 năm 2016	114.919.308.334	20.332.727.270	135.252.035.604	
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	(33.539.542.139)	(2.068.867.901)	(35.608.410.040)	
Khấu hao trong kỳ	(4.464.189.118)	(2.634.447.930)	(7.098.637.048)	
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	(38.003.731.257)	(4.703.315.831)	(42.707.047.088)	
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	81.379.766.195	18.263.859.369	99.643.625.564	
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	76.915.577.077	15.629.411.439	92.544.988.516	

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

		Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	284.698.354.995	1.344.757.711	286.043.112.706	
Tăng trong kỳ	2.190.431.270	-	2.190.431.270	
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	286.888.786.265	1.344.757.711	288.233.543.976	
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	456.396.144	1.344.757.711	1.801.153.855	
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	(16.652.548.124)	(1.344.757.711)	(17.997.305.835)	
Hao mòn trong kỳ	(1.307.070.558)	-	(1.307.070.558)	
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	(17.959.618.682)	(1.344.757.711)	(19.304.376.393)	
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	268.045.806.871	-	268.045.806.871	
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	268.929.167.583	-	268.929.167.583	

Như được trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 là 223.785.083.866 VND để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31 tháng 3 năm 2016	VND 30 tháng 9 năm 2015
Mua sắm tài sản cố định	10.183.003.020	6.853.861.204
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.458.816.610	4.036.803.273
Chi phí khác	1.156.655.892	1.455.946.900
TỔNG CỘNG	12.798.475.522	12.346.611.377

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31 tháng 3 năm 2016	VND 30 tháng 9 năm 2015
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 14.1)	732.276.000.000	611.276.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.2)	51.952.178.134	51.952.178.134
Đầu tư dài hạn khác	-	4.367.000.000
TỔNG CỘNG	784.228.178.134	667.595.178.134
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(22.458.172.292)	(17.966.537.833)
GIÁ TRỊ THUẦN	761.770.005.842	649.628.640.301

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

B09a-DN

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty con	Ngày 31 tháng 3 năm 2016		Ngày 30 tháng 9 năm 2015		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	100	280.000.000.000	100	280.000.000.000	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An	100	200.000.000.000	100	80.000.000.000	Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp bằng kim loại
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	100	150.000.000.000	100	150.000.000.000	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	100	55.000.000.000	100	55.000.000.000	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An	100	30.000.000.000	100	30.000.000.000	Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải & Cơ khí Hoa Sen	100	16.276.000.000	100	16.276.000.000	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ vận tải và xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	100	1.000.000.000	-	-	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp bằng kim loại
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam	100	-	100	-	Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép
TỔNG CỘNG		732.276.000.000		611.276.000.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Công ty	31 tháng 3 năm 2016		30 tháng 9 năm 2015		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadept	45	51.952.178.134	45	51.952.178.134	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(22.458.172.292)		(17.966.537.833)		
GIÁ TRỊ THUẬN		29.494.005.842		33.985.640.301		

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	31 tháng 3 năm 2016	30 tháng 9 năm 2015
Các bên khác	819.399.971.822	482.031.569.234
Trong đó:		
Baosteel Singapore Pte Ltd.	194.617.348.444	-
Salzgitter Mannesmann International GmbH	126.734.691.149	-
Rich Fortune Int'l Industrial Co., Ltd.	117.524.010.178	-
Ep Steel Trading Co., Ltd.	57.405.442.528	141.777.423.312
Hongkong Grand International Co., Ltd.		67.847.770.463
Khác	323.118.479.523	272.406.375.459
Các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	69.613.653.803	73.130.273.650
TỔNG CỘNG	889.013.625.625	555.161.842.884

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	31 tháng 3 năm 2016	30 tháng 9 năm 2015
Các bên khác	135.039.562.800	130.555.900.033
Trong đó:		
Bangkok Coil Center Co., Ltd.	12.757.481.475	6.832.518.000
Khác	122.282.081.325	123.723.382.033
Các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	6.942.786.170	1.500.312.265
TỔNG CỘNG	141.982.348.970	132.056.212.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

16. THUẾ

	30 tháng 9 năm 2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND 31 tháng 3 năm 2016
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26.2)	39.779.435.531	129.206.928.549	(89.046.802.557)	79.939.561.523
Thuế GTGT	13.754.684.828	513.761.427.377	(486.667.631.092)	40.848.481.113
Thuế thu nhập cá nhân	987.443.384	10.850.674.325	(6.724.985.143)	5.113.132.566
Các loại thuế khác	1.957.000	1.759.531.099	(1.751.860.056)	9.628.043
TỔNG CỘNG	54.523.520.743	655.578.561.350	(584.191.278.848)	125.910.803.245
Phải thu				
Thuế GTGT được khấu trừ	430.850.361.115	287.620.493.783	(560.341.892.809)	158.128.962.089
Thuế GTGT phải thu	-	13.398.430	-	13.398.430
TỔNG CỘNG	430.850.361.115	287.633.892.213	(560.341.892.809)	158.142.360.519

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31 tháng 3 năm 2016	VND 30 tháng 9 năm 2015
Thưởng và lương tháng 13	41.270.434.500	48.819.296.000
Chi phí kỷ niệm thành lập Công ty	30.000.000.000	-
Chi phí điện	10.897.473.130	11.090.213.768
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.147.518.971	7.597.518.971
Chi phí lãi vay	2.321.970.789	3.700.752.155
Khác	12.492.084.886	10.348.579.545
TỔNG CỘNG	104.129.482.276	81.556.360.439

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31 tháng 3 năm 2016	VND 30 tháng 9 năm 2015
Phải trả cổ tức	3.770.828.525	3.892.652.525
Nhận đặt cọc dự thầu	3.560.500.000	1.490.000.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	3.532.118.400	2.853.893.928
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	1.824.002.500	2.233.267.935
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu	-	29.719.800.000
Các phải trả khác	6.020.692.807	2.406.525.407
TỔNG CỘNG	18.708.142.232	42.596.139.795

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VND	
	31 tháng 3 năm 2016	30 tháng 9 năm 2015
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.932.606.273.977	4.400.210.324.546
Vay từ ngân hàng (<i>Thuyết minh số 19.1</i>)	2.647.555.625.338	4.056.943.675.919
Vay dài hạn từ ngân hàng đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 19.2</i>)	259.035.904.707	302.800.960.695
Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 19.3</i>)	21.036.343.932	21.036.343.932
Nợ dài hạn khác đến hạn trả	4.978.400.000	9.969.344.000
Vay từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	-	9.460.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	525.122.683.232	651.348.629.164
Vay từ ngân hàng (<i>Thuyết minh số 19.2</i>)	507.055.773.050	622.763.547.016
Nợ dài hạn thuê tài chính (<i>Thuyết minh số 19.3</i>)	18.066.910.182	28.585.082.148
TỔNG CỘNG	3.457.728.957.209	5.051.558.953.710

Tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính trong kỳ như sau:

	VND
	Giá trị
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	5.051.558.953.710
Tiền thu từ đi vay	4.665.576.580.960
Tiền chi trả nợ gốc vay	(6.258.312.064.340)
Chênh lệch tỷ giá	(1.094.513.121)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	3.457.728.957.209

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	<i>(VND)</i>		<i>(%/năm)</i>	
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương</i>				
Vay VND	310.634.130.566	Từ ngày 29 tháng 4 năm 2016 đến ngày 27 tháng 6 năm 2016	Từ 4,0 đến 4,2	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Vay USD	112.278.648.764	Từ ngày 17 tháng 7 năm 2016 đến ngày 24 tháng 7 năm 2016	1,0	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương</i>				
Vay VND	178.053.779.261	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2016 đến ngày 3 tháng 6 năm 2016	Từ 4,0 đến 4,25	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Vay USD	375.936.095.279	Từ ngày 2 tháng 6 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016	1,0	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Dương</i>				
Vay USD	86.482.477.151	Từ ngày 15 tháng 6 năm 2016 đến ngày 1 tháng 7 năm 2016	Từ 1,0 đến 1,1	Quyền sử dụng đất và phương tiện vận tải
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Sở Giao dịch 2</i>				
Vay VND	494.865.765.437	Từ ngày 18 tháng 5 năm 2016 đến ngày 4 tháng 6 năm 2016	4,0	Hàng tồn kho
Vay USD	238.490.249.210	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2016 đến ngày 10 tháng 8 năm 2016	1,0	Hàng tồn kho
<i>Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh</i>				
Vay USD	59.981.561.062	Ngày 22 tháng 6 năm 2016	1,1	Hàng tồn kho và máy móc, thiết bị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	31 tháng 3 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)				
Vay USD	65.310.134.268	Ngày 3 tháng 6 năm 2016	1,1	Quyền sử dụng đất
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Vay VND	287.423.670.614	Từ ngày 19 tháng 4 năm 2016 đến ngày 25 tháng 8 năm 2016	Từ 4,0 đến 4,4	Tín chấp
Vay USD	110.922.275.528	Từ ngày 8 tháng 7 năm 2016 đến ngày 25 tháng 7 năm 2016	1,0	Tín chấp
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn				
Vay VND	78.550.000.000	Từ ngày 16 tháng 4 năm 2016 đến ngày 24 tháng 5 năm 2016	Từ 4,0 đến 4,3	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng				
Vay USD	127.727.399.030	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2016 đến ngày 29 tháng 6 năm 2016	1,05	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)				
Vay USD	120.899.439.168	Từ ngày 10 tháng 5 năm 2016 đến ngày 28 tháng 7 năm 2016	1,1	Hàng tồn kho; quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
TỔNG CỘNG	2.647.555.625.338			

Công ty sử dụng các khoản vay ngắn hạn này cho mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	31 tháng 3 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương				
Vay VND	43.201.636.695	Từ ngày 15 tháng 5 năm 2016 đến ngày 15 tháng 8 năm 2019	Từ 8,0 đến 8,5	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Bản Việt				
Vay VND	66.564.410.000	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2016 đến ngày 26 tháng 11 năm 2019	Từ 7,6 đến 8,5	Phương tiện vận tải
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Tân Thuận				
Vay VND	46.950.588.000	Từ ngày 6 tháng 4 năm 2016 đến ngày 17 tháng 6 năm 2020	Từ 7,8 đến 8,5	Phương tiện vận tải
Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương				
Vay VND	490.924.771.861	Từ ngày 16 tháng 5 năm 2016 đến ngày 16 tháng 7 năm 2019	8,2	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Ngân hàng Phát triển Việt Nam				
Vay USD	39.235.271.201	Từ ngày 20 tháng 6 năm 2016 đến ngày 20 tháng 6 năm 2018	1,7	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Dương				
Vay VND	18.095.000.000	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2016 đến ngày 7 tháng 1 năm 2019	8,0	Quyền sử dụng đất, và phương tiện vận tải
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương				
Vay VND	61.120.000.000	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2016 đến ngày 25 tháng 9 năm 2017	8,0	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
TỔNG CỘNG	766.091.677.757			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	259.035.904.707			
Vay dài hạn	507.055.773.050			

Công ty sử dụng các khoản vay dài hạn nhằm mục đích xây dựng và mua sắm tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.3 Nợ thuế tài chính

Chi tiết các khoản nợ thuế tài chính như sau:

Công ty hiện đang thuế máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuế tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	31 tháng 3 năm 2016		30 tháng 9 năm 2015		VND	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc
Nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Dưới 1 năm	23.434.317.138	2.397.973.206	21.036.343.932	24.477.641.416	3.441.297.484	21.036.343.932
Nợ thuế tài chính dài hạn						
Từ 1-5 năm	19.447.672.302	1.380.762.120	18.066.910.182	31.093.925.619	2.508.843.471	28.585.082.148
TỔNG CỘNG	42.881.989.440	3.778.735.326	39.103.254.114	55.571.567.035	5.950.140.955	49.621.426.080

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 *Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015:								
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2014	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(81.038.848.436)	-	8.525.313.060	13.278.012.117	1.022.418.679.462	2.422.634.346.566
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	150.797.087.806	150.797.087.806
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(48.156.549.000)	(48.156.549.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.356.959)	-	-	-	-	(1.356.959)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(16.413.694.648)	(16.413.694.648)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	12.310.270.987	(12.310.270.987)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(11.060.067.296)	-	(11.060.067.296)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(81.040.205.395)	-	8.525.313.060	14.528.215.808	1.096.335.252.633	2.497.799.786.469

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016:								
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 (trình bày trước đầy)	1.007.907.900.000	487.290.470.363	(52.113.695.510)	-	8.525.313.060	6.605.155.369	1.531.127.724.105	2.989.342.867.387
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 (trình bày lại)	1.007.907.900.000	487.290.470.363	(52.113.695.510)	8.525.313.060	-	6.605.155.369	1.531.127.724.105	2.989.342.867.387
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (*)	302.362.770.000	-	-	-	-	-	426.047.512.905	426.047.512.905
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(508.729)	-	-	-	(302.362.770.000)	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ (**)	-	-	-	-	-	-	-	(508.729)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	64.281.463.158	52.114.204.239	-	-	-	-	116.395.667.397
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-	(26.114.981.672)	(26.114.981.672)
Hoàn nhập quỹ	-	-	-	-	-	29.379.354.381	(29.379.354.381)	-
Thường vượt kế hoạch	-	-	-	(8.525.313.060)	-	-	8.525.313.060	-
Sử dụng quỹ khác	-	-	-	-	-	(11.254.269.393)	(21.902.000.000)	(21.902.000.000)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	1.310.270.670.000	551.571.933.521	-	-	-	24.730.240.357	1.585.941.444.017	3.472.514.287.895

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2015 ngày 19 tháng 1 năm 2015 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 64/NQ/HĐQT/2015 ngày 16 tháng 10 năm 2015 đã thông qua việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu, được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, với tỷ lệ thực hiện là 10:3 (phát hành 3 cổ phiếu mới cho mỗi 10 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ). Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu vào ngày 7 tháng 12 năm 2015 với tổng số cổ phiếu mới được phát hành thêm là 30.236.277 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, tại ngày này vốn cổ phần của Công ty tăng 302.362.770.000 VND lên 1.310.270.670.000 VND. Công ty đã nhận được GCNĐKKD thay đổi lần thứ 25 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18 tháng 12 năm 2015 phản ánh việc tăng vốn này.

(**) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 36/NQ/HĐQT/2015 ngày 29 tháng 6 năm 2015, Công ty đã tái phát hành 2.877.692 cổ phiếu quỹ cho các cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 40.500 VND/cổ phiếu vào ngày 7 tháng 10 năm 2015.

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	1.007.907.900.000	1.007.907.900.000
Tăng trong kỳ	302.362.770.000	-
Số cuối kỳ	1.310.270.670.000	1.007.907.900.000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	-	48.156.549.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	-	47.937.601.575

20.3 Vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	
	31 tháng 3 năm 2016	30 tháng 9 năm 2015
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	131.027.067	100.790.790
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	-	(2.877.692)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	131.027.067	97.913.098

Cổ phiếu đã được phát hành của Công ty có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
Tổng doanh thu	12.939.626.459.759	16.507.950.212.092
Trong đó:		
Thành phẩm	7.266.500.217.044	8.532.463.887.989
Hàng hóa	5.569.247.376.207	7.879.604.831.539
Khác	103.878.866.508	95.881.492.564
Các khoản giảm trừ doanh thu	(49.647.582.051)	(25.325.886.065)
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	(44.113.113.005)	(2.805.550.340)
Hàng bán bị trả lại	(2.797.667.033)	(18.366.076.135)
Giảm giá hàng bán	(2.736.802.013)	(3.915.511.523)
Thuế xuất khẩu	-	(238.748.067)
DOANH THU THUẦN	12.889.978.877.708	16.482.624.326.027
Trong đó:		
Doanh thu với các bên khác	6.051.342.375.435	8.902.174.127.795
Doanh thu với các bên liên quan	6.838.636.502.273	7.580.450.198.232

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	20.445.216.868	10.751.326.156
Thu nhập từ đầu tư tài chính	4.997.054.930	1.755.000.000
Thu nhập từ lãi tiền gửi	339.625.569	869.103.578
TỔNG CỘNG	25.781.897.367	13.375.429.734

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
Thành phẩm	6.014.922.886.080	7.785.668.700.436
Hàng hóa	5.416.049.044.603	7.758.531.582.692
Khác	75.911.269.740	83.062.243.200
TỔNG CỘNG	11.506.883.200.423	15.627.262.526.328

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Chi phí lãi vay	91.997.362.776	95.077.736.574
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	15.288.867.276	31.766.347.739
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.418.637.062	15.450.540.252
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4.491.634.459	6.302.803.758
TỔNG CỘNG	115.196.501.573	148.597.428.323

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Chi phí bán hàng	402.206.394.150	330.630.294.744
Chi phí nhân công	96.213.135.700	65.051.391.968
Chi phí khấu hao và hao mòn	17.461.991.699	10.700.691.289
Chi phí dịch vụ mua ngoài	202.348.098.718	200.363.578.213
Chi phí khác	86.183.168.033	54.514.633.274
Chi phí quản lý doanh nghiệp	335.377.839.810	189.217.017.157
Chi phí nhân công	161.148.094.604	98.512.253.816
Chi phí khấu hao và hao mòn	14.857.604.409	13.352.851.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.158.100.657	15.388.632.995
Chi phí khác	144.214.040.140	61.963.279.332
TỔNG CỘNG	737.584.233.960	519.847.311.901

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Chi phí nguyên vật liệu	5.437.243.304.563	6.933.893.194.403
Chi phí nhân công	306.878.252.589	214.896.018.053
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10, 11 và 12)	194.632.425.463	182.121.227.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	443.254.667.031	430.523.508.097
Chi phí khác	328.629.143.187	259.616.604.876
TỔNG CỘNG	6.710.637.792.833	8.021.050.552.464

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ phải chịu sự kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
Chi phí thuế TNDN hiện hành	129.206.928.549	54.366.602.712
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu kỳ trước	-	14.502
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1.023.548.962)	(3.638.379.969)
TỔNG CỘNG	128.183.379.587	50.728.237.245

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và thu nhập chịu thuế:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
Lợi nhuận kế toán trước thuế	554.230.892.492	201.525.325.051
Các điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	55.922.451.016	29.057.505.600
Thay đổi chi phí trích trước	13.941.317.334	47.517.889
Thay đổi các khoản dự phòng	4.491.634.459	9.877.720.763
Thay đổi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(7.063.915.977)	(1.278.203.204)
Thay đổi lợi nhuận chưa thực hiện	(4.932.200.934)	9.210.145.381
Khác	(1.319.090.062)	(1.319.090.062)
Thu nhập chịu thuế ước tính	615.271.088.328	247.120.921.418
Thuế TNDN phải trả ước tính	129.206.928.549	54.366.602.712
Điều chỉnh thuế TNDN các kỳ trước	-	14.502
Thuế TNDN phải trả ước tính	129.206.928.549	54.366.617.214
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	39.779.435.531	30.586.194.784
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(89.046.802.557)	(59.835.172.284)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	79.939.561.523	25.117.639.714

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động so với kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	31 tháng 3 năm 2016	30 tháng 9 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
Lợi nhuận chưa thực hiện	13.246.175.400	14.232.615.587		
Chi phí trích trước	17.167.631.760	14.379.368.294	(986.440.187)	2.026.231.984
Các khoản dự phòng chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7.622.764.449	6.724.437.558	2.788.263.466	10.453.935
Khác	497.691.553	1.910.474.749	898.326.891	2.173.098.568
	2.372.602.431	2.636.420.443	(1.412.783.196)	(281.204.705)
			(263.818.012)	(290.199.813)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	40.906.865.593	39.883.316.631		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			1.023.548.962	3.638.379.969

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

B09a-DN

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
VND				
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	Công ty con	Mua hàng Bán hàng Cho thuê tài sản Chi phí chi hộ Mua khí đốt	4.577.589.994.434 3.550.750.002.185 84.552.600.000 75.472.066.111 3.921.200.000	6.080.130.363.362 6.331.782.747.211 81.914.400.000 78.596.487.897 4.568.240.000
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng Mua hàng Bán tài sản cố định Hàng bán bị trả lại	1.597.457.728.614 1.349.348.807.897 - 655.656.201	1.735.775.511.410 1.607.993.894.919 59.511.953.656 13.472.930.120
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Chi phí vận chuyển Cho thuê tài sản Hoàn trả vay ngắn hạn	36.026.392.981 7.641.600.000 9.460.000.000	25.375.437.349 2.532.000.000 1.940.000.000
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An	Công ty con	Mua hàng Bán hàng Góp vốn Vay ngắn hạn Cho mượn	165.084.564.405 15.564.015.253 - - -	1.230.275.834 41.774.191.838 30.000.000.000 19.500.000.000 10.000.000.000
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Mua hàng Bán hàng Góp vốn Cho mượn	224.092.246.544 171.355.220.960 - -	93.366.075.390 148.692.259.193 4.000.000.000 6.000.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

B09a-DN

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
VND				
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Thu tiền cho vay	120.000.000.000	-
		Góp vốn	152.000.000.000	-
		Cho vay	52.000.000.000	-
		Bán hàng	19.290.111.258	-
		Lãi vay	3.170.444.445	-
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội – Bình Định	Công ty con	Góp vốn	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Bán hàng	615.842.800.646	431.424.028.069
		Mua hàng	191.945.505.399	5.803.783.613
		Chiết khấu thương mại	11.692.382.124	-
		Nhận dịch vụ	7.769.125.602	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty liên kết	Góp vốn	-	7.495.846.500
Quý Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	Bên liên quan	Thu hồi vốn	4.367.000.000	4.273.000.000
DNTN Kinh doanh Bất động sản Hương Sen	Bên liên quan	Trả lại đất	-	60.000.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

B09a-DN

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghệp vụ	31 tháng 3 năm 2016	VND 30 tháng 9 năm 2015
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng	339.649.015.327	390.228.663.563
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nam Cẩm Cẩm Nghệ An	Công ty con	Bán hàng	41.260.736.639	63.828.794.580
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng	41.192.606.867	741.762.003.581
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Bán hàng	27.029.167.696	7.523.066.192
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Bán hàng	21.153.239.425	172.451.970
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng	1.400.960.000	10.917.500.000
TỔNG CỘNG			471.685.725.954	1.214.432.479.886
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Trả trước	52.944.698.396	6.458.860.936
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Cho vay	-	100.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác				
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	Ứng trước tiền mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	Công ty con	Chi hộ	419.032.695	864.322.260
		Lợi nhuận được chia	-	86.686.768.532
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội – Bình Định	Công ty con	Chi hộ	304.507.700	-
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Chi hộ	4.760.600	408.316.578
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Lợi nhuận được chia	-	166.481.143.413
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Lợi nhuận được chia	-	11.487.160.126
		Chi hộ	-	699.300
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Lợi nhuận được chia	-	8.769.230.314
TỔNG CỘNG			90.911.527.995	364.880.867.523

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

B09a-DN

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghệp vụ	31 tháng 3 năm 2016	VND 30 tháng 9 năm 2015
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Mua hàng	40.712.695.423	27.695.981.378
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Mua hàng	21.498.569.100	34.196.348.287
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	Công ty con	Mua hàng	6.600.000.000	11.100.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Mua hàng	802.389.280	137.943.985
TỔNG CỘNG			69.613.653.803	73.130.273.650
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Trả trước	6.942.786.170	1.500.312.265
Phải trả ngắn hạn khác				
DNTN Kinh doanh Bất động sản Hương Sen	Bên liên quan	Trả lại tiền mua đất	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Chi hộ	195.702.500	1.194.618.735
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	Công ty con	Chi hộ	337.100.000	31.799.200
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Chi hộ	216.500.000	6.850.000
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An	Công ty con	Chi hộ	59.200.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Chi hộ	10.000.000	-
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Chi hộ	5.500.000	-
TỔNG CỘNG			1.824.002.500	2.233.267.935
Vay ngắn hạn từ bên liên quan				
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Vay ngắn hạn	-	9.460.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Chi tiết lương và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
Lương Ban Tổng Giám đốc	6.917.110.950	4.122.590.415
Thưởng Ban Tổng Giám đốc	5.968.000.000	950.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	869.000.000	534.000.000
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	11.636.460.000	-
TỔNG CỘNG	25.390.570.950	5.606.590.415

28. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31 tháng 3 năm 2016	VND 30 tháng 9 năm 2015
Dưới 1 năm	41.368.283.860	34.785.802.868
Từ 1 tới 5 năm	139.063.879.013	102.023.130.333
Trên 5 năm	130.836.485.160	119.122.043.000
TỔNG CỘNG	311.268.648.033	255.930.976.201

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải thu tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31 tháng 3 năm 2016	VND 30 tháng 9 năm 2015
Dưới 1 năm	185.079.404.548	186.136.854.548
Từ 1 tới 5 năm	733.308.600.002	740.241.077.276
Trên 5 năm	656.562.500.000	754.538.300.000
TỔNG CỘNG	1.574.950.504.550	1.680.916.231.824

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016, Công ty có khoản cam kết 25.652.862.631 VND (Ngày 30 tháng 9 năm 2015: 18.302.951.124 VND) chủ yếu liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

29. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG DO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 200

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ này. Chi tiết như sau:

	30 tháng 9 năm 2015 (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của trình bày lại	VND 30 tháng 9 năm 2015 (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG			
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	100.400.000.000	100.400.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	498.630.282.005	(90.069.191.927)	408.561.090.078
Tài sản ngắn hạn khác	10.330.808.073	(10.330.808.073)	-
Phải thu về cho vay dài hạn	-	25.000.000.000	25.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	25.000.000.000	(22.987.450.099)	2.012.549.901
Tài sản dài hạn khác	2.012.549.901	(2.012.549.901)	-

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của trình bày lại	VND Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (được trình bày lại)
--	---	--------------------------------	---

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.497.454.892.258	10.495.319.834	16.507.950.212.092
Thu nhập khác	85.320.316.687	(75.382.885.113)	9.937.431.574
Chi phí khác	(73.592.161.011)	64.887.565.279	(8.704.595.732)

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Trần Công Tiến
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 5 năm 2016